

## GIẢI PHÁP CẢI THIỆN SINH KẾ CỦA HỘ NÔNG DÂN NGHÈO HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

**Phạm Thị Tân<sup>1</sup>**

<sup>1</sup>*Trường Đại học Lâm nghiệp*

### TÓM TẮT

Nguồn vốn sinh kế có vai trò quyết định đến việc lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ gia đình nghèo, tuy nhiên, trong quá trình theo đuổi chiến lược sinh kế, nhóm hộ này cũng gặp không ít những khó khăn và cần có giải pháp khắc phục để cải thiện sinh kế. Bài viết phân tích các nguồn vốn sinh kế và vận dụng nghiên cứu trường hợp huyện Đình Lập, Lạng Sơn. Kết quả xử lý số liệu nghiên cứu định lượng, thông qua khảo sát điều tra 100 hộ bằng bảng hỏi soạn sẵn và các nguồn tài liệu thống kê kinh tế - xã hội hằng năm đã được sử dụng để đánh giá về thực trạng và vai trò các nguồn vốn sinh kế của các hộ gia đình ở huyện Đình Lập. Nghiên cứu đặc điểm các nguồn lực (nguồn nhân lực, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn vật chất và vốn tài chính). Chất lượng nguồn vốn đã được đánh giá qua các yếu tố chính như thu nhập, nhà ở, tiện nghi sinh hoạt, sự thay đổi mức sống và mối quan hệ xã hội. Trên cơ sở xác định thực trạng các nguồn vốn sinh kế của hộ đưa ra những giải pháp nâng cao nguồn vốn sinh kế và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư huyện Đình Lập trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay. Các giải pháp chủ yếu được đề xuất là giải pháp về nguồn nhân lực, giải pháp đa dạng hóa hoạt động tạo thu nhập và giải pháp về tài chính, mối quan hệ xã hội.

**Từ khóa:** Cải thiện sinh kế, hộ nông dân nghèo, huyện Đình Lập, nguồn vốn sinh kế.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh kế (livelihood) bao gồm các năng lực, tài sản (các nguồn lực vật chất và xã hội) và các hoạt động cần thiết để kiếm sống. Sinh kế có thể được xem xét ở các cấp độ khác nhau, trong đó phổ biến nhất là sinh kế quy mô hộ gia đình (Chambers, R. and Conway G.R, 1991).

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường... có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực, mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ nhất định. Hiểu biết và đánh giá đúng cũng như biết huy động tối đa các nguồn lực sẽ thúc đẩy quá trình phát triển sinh kế của cộng đồng. Khi phân tích sinh kế cộng đồng cần tập trung làm rõ đặc điểm của 5 loại nguồn lực sinh kế: vốn nhân lực, vốn vật chất, vốn xã hội, vốn tự nhiên và vốn tài chính.

Đình Lập là một huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lạng Sơn thuộc khu vực miền núi phía Bắc, được tái lập từ tháng 12/1978, đến nay huyện có 12 đơn vị hành chính, là địa bàn sinh sống của các dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Sán Chỉ... Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 1.187 km<sup>2</sup>, dân số trung bình đến năm 2018 là 36.740 người, mật độ dân số 31 người/km<sup>2</sup> trong đó trên 80% là người dân tộc thiểu số (Phòng lao động & TBXH huyện Đình Lập).

Việc thực hiện các chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện đã thu được nhiều kết quả, năm 2018 với 41,94% hộ nghèo; 19,82% hộ

cận nghèo. Cả huyện có tới 10 xã đặc biệt khó khăn, có 6 xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 50% trở lên, 2 xã có tỷ lệ hộ nghèo 40% trở lên, 4 xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đời sống kinh tế ngày càng được cải thiện và nâng cao, an sinh xã hội ngày càng ổn định. Tuy nhiên, tỉ lệ hộ cận nghèo còn cao (theo chuẩn nghèo mới thì tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo năm 2018 của Đình Lập trên 19%), nguy cơ tái nghèo luôn tồn tại, tính bền vững trong giảm nghèo chưa được khẳng định, đặc biệt là đối với các hộ nông dân và dân tộc thiểu số (Phòng lao động & TBXH huyện Đình Lập).

*Vấn đề đặt ra là:* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tạo nên những thách thức cũng như cơ hội để chuyển đổi loại hình sinh kế, tuy nhiên, nông hộ dân tộc thiểu số có những đặc thù dân tộc riêng nên cách thức và khả năng tiếp cận tài sản sinh kế, cũng như các yếu tố cản trở cũng có đặc điểm khác biệt nhất định. Điều này đòi hỏi các chính sách hỗ trợ cũng cần bám sát vào những đặc thù này để đạt được thành công hơn. Do vậy, bài viết này sẽ nhấn mạnh đến (i) thực trạng các nguồn vốn sinh kế (vốn con người, vốn xã hội, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn tự nhiên) của hộ nông dân trong bối cảnh biến đổi CNH, HĐH (ii) kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn sinh kế bền vững cho hộ nông dân trong tương lai.

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Trên cơ sở cách tiếp cận sinh kế bền vững (Sustainable Livelihoods Approach- SLA) và khung Phân tích sinh kế bền vững (Sustainable Livelihoods Framework-SLF), các dữ liệu của nghiên cứu này được thu thập từ các hộ nông dân được khảo sát (chủ yếu là những hộ nghèo), cán bộ quản lý địa phương bằng các phương pháp khác nhau

Nghiên cứu đã thu thập các số liệu, tài liệu trong quá khứ để hiểu thêm bản chất và kết quả của các chương trình, chính sách tác động đến các nguồn vốn sinh kế của nông hộ, làm cơ sở để phân tích các vấn đề có tính định lượng, xu hướng phát triển và tác động của các chính sách đến việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn trong tương lai.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Sử dụng phương pháp này để nghiên cứu sâu một vấn đề kinh tế xã hội ở một địa điểm và thời gian cụ thể. Dùng để phân tích tác động của một sự can thiệp nào đó như chính sách, công nghệ, các vấn đề định tính, những điều cần rút ra có tính suy rộng. Trong phạm vi của nghiên cứu, phương pháp đi sâu nghiên cứu về hai vấn đề:

- Số liệu nghiên cứu hộ nông dân được thu thập từ việc điều tra chọn mẫu 100 hộ nghèo,

cận nghèo và khá theo phân vùng trên địa bàn huyện Đình Lập ở 2 xã Châu Sơn và Đình Lập bằng phiếu điều tra.

- Thu thập tài liệu, phỏng vấn nhanh và đánh giá chương trình “*Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững*” đã và đang thực hiện trên địa bàn huyện tại huyện Đình Lập.

**2.3. Đánh giá nông thôn có sự tham gia** (Participatory rural appraisal-PRA) bằng các cuộc thảo luận nhóm với một số công cụ như sơ đồ Venn, sơ đồ đi lại, bản đồ tài nguyên, lịch thời vụ...

Việc đánh giá có sự tham gia được thực hiện với cả các hộ nông dân trong vùng khảo sát và người ngoài cộng đồng để đánh giá thực trạng nguồn lực và tình hình chung của địa phương, nhằm thu thập các thông tin nhiều chiều về việc tiếp cận các nguồn vốn sinh kế cho các hộ nông dân trên địa bàn huyện Đình Lập. Phương pháp này được thực hiện bằng việc khảo sát, thảo luận nhóm, thảo luận chuyên gia và đánh giá nhóm.

Các dữ liệu thu thập được từ cuộc điều tra bảng hỏi sẽ được xử lý mô tả và so sánh bằng phần mềm SPSS 2.0 để khai thác các thông tin khác nhau từ các nhóm hộ nông dân khác nhau.

## 2.4. Phương pháp phân tích bằng cho điểm

**Bảng 1. Tiêu chí đánh giá xếp hạng các loại vốn sinh kế của hộ**

Mức độ vốn	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Mức 0	0	Không có vốn
Mức 1	1	Có vốn, tự hộ rất khó có được nguồn vốn tốt, cần hỗ trợ từ xã hội và các cơ quan
Mức 2	2	Có vốn, nhưng có nhiều khó khăn nên hộ hoặc cộng đồng phải đầu tư, hoàn thiện để đạt được mức cao hơn nhằm có vốn tốt
Mức 3	3	Có vốn, số lượng hoặc chất lượng khá hoặc dễ tiếp cận, khai thác
Mức 4	4	Có vốn, số lượng hoặc chất lượng tốt, đáp ứng các điều kiện cho sự phát triển sinh kế bền vững hoặc thuận lợi trong tiếp cận, khai thác

*Nguồn: Vũ Thị Ngọc, 2012*

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Thực trạng vốn sinh kế của các hộ nông dân huyện Đình Lập

Hộ nông dân huyện Đình Lập cũng có đầy đủ các loại vốn sinh kế và những biểu hiện khác nhau của từng loại vốn nhưng nghiên cứu tập trung vào những loại vốn cụ thể như: Vốn tự nhiên tập trung chủ yếu nhất là đất nông nghiệp và đất ở; Vốn con người tập trung chủ yếu nhất là lao động chính và tay nghề, trình

độ; Vốn tài chính tập trung chủ yếu nhất là số tích lũy hàng năm và huy động vốn từ các nguồn; Vốn vật chất chủ yếu xét các tài sản hiện vật cho sinh hoạt và sản xuất; Vốn xã hội quan trọng nhất là tham gia các tổ chức và hoạt động xã hội.

#### 3.1.1. Vốn con người

Khi ra quyết định hoạt động sinh kế, yếu tố vốn con người luôn là công cụ chính, một trong những yếu tố quan trọng trực tiếp tác

## Kinh tế & Chính sách

động lên các đối tượng sản xuất khác để tạo ra sản phẩm cuối cùng. Vấn con người dồi dào là một lợi thế trong việc thúc đẩy phát triển sinh kế của hộ.

### - Thông tin các hộ khảo sát

Chủ hộ là người có vai trò quan trọng trong việc đưa ra quyết định các vấn đề kinh tế của

hộ. Giới tính, độ tuổi và trình độ học vấn của chủ hộ thể hiện qua bảng 2. Chủ hộ là nam chiếm hơn 67% còn chủ hộ là nữ chỉ chiếm gần 32% (nhóm hộ nghèo). Tuổi bình quân của chủ hộ giao động từ 32 đến 44 tuổi trong đó tuổi chủ hộ nhóm hộ cận nghèo trẻ trung nhất.

**Bảng 2. Thông tin chủ hộ của các hộ khảo sát**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Hộ TB-Khá	
			SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)
1	Tổng số hộ điều tra	hộ	56	56	30	30	14	14
2	Giới tính của chủ hộ							
	Chủ hộ là nam	hộ	38	67,86	22	73,33	12	85,71
	Chủ hộ là nữ	hộ	18	32,14	8	26,67	2	14,29
3	Tuổi BQ của chủ hộ	tuổi	41	-	32	-	44	-
4	Văn hóa của chủ hộ							
	Tiểu học	người	4	7,14	2	6,67	0	0,00
	THCS	người	28	50,00	11	36,67	3	21,43
	THPT	người	16	28,57	12	40,00	9	64,29
	Lớp 7, lớp 8	người	8	14,29	5	16,67	2	14,29
5	Trình độ chuyên môn	người	3	5,36	5	16,67	6	42,86

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát

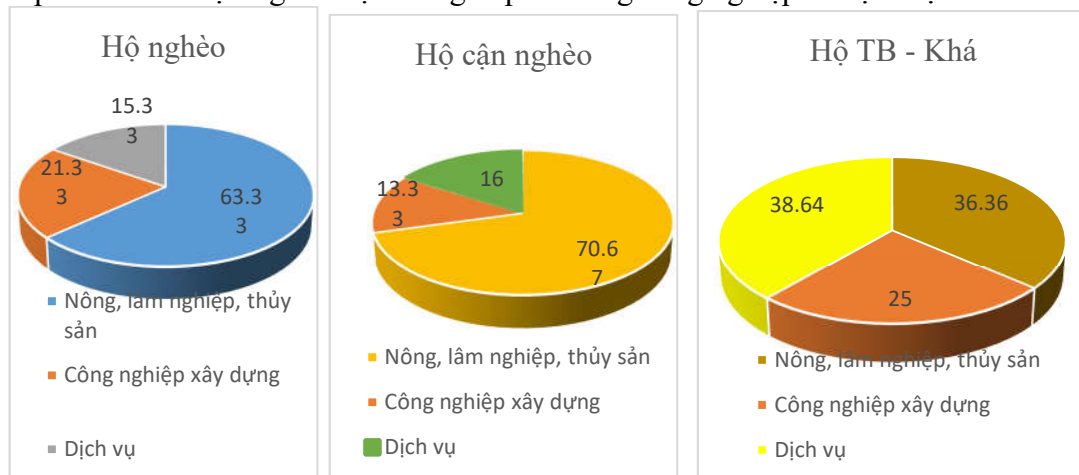
Trình độ văn hóa của chủ hộ ở mức thấp, chủ yếu tốt nghiệp THCS, ít người học hết chương trình THPT vì thuộc huyện nghèo của tỉnh, điều kiện kinh tế của vùng còn rất khó khăn ảnh hưởng đến việc đi học. Trong nhóm hộ nghèo chỉ có 28,57% chủ hộ học xong THPT, 50% ở mức THCS và 7,14% tiểu học. Trình độ chuyên môn của chủ hộ được tính với những người đã qua đào tạo ở các trường đại học hoặc trường nghề từ cao đẳng, trung cấp, kỹ thuật nghề. Chỉ 5% chủ hộ qua đào tạo trong đó phần lớn là học nghề hoặc trung cấp

(nhóm hộ nghèo).

### - Lao động của hộ

Theo kết quả khảo sát hộ nông dân huyện thì trung bình mỗi hộ có 4,5 người; 3,2 lao động chính và mức độ đảm nhận của lao động cho sinh kế là 1,95 khâu/lao động. Cơ cấu lao động theo ngành thể hiện qua hình 1.

Cơ cấu lao động của hộ tập trung phần lớn là lao động trong nông nghiệp, chiếm tỷ lệ cao vẫn ở nhóm hộ nghèo và hộ cận nghèo, nhóm hộ TB - khá đã có sự chuyển đổi dân lao động sang công nghiệp và dịch vụ.



**Hình 1. Cơ cấu lao động của các nhóm hộ huyện Đình Lập (%)**

Hầu hết người lao động trong độ tuổi đều có học vấn thấp (bảng 3). Tốt nghiệp THCS chiếm trên 45% nhóm hộ nghèo, tốt nghiệp trung học phổ thông 34,67%, được đào tạo nghề hoặc sơ cấp trở lên chỉ chiếm 16,67%. Lý do lao động có trình độ thấp là sự khó khăn của mỗi hộ gia đình cùng với điều kiện trường học xa xôi, cách xa xã nên chủ yếu họ cho con học hết THPT sau đó đi làm công nhân hoặc làm thuê giải quyết sinh kế cho gia đình. Một số hộ có nghề như mộc, nề, may mặc thì

thường hướng con cái theo nghề của gia đình thay cho làm thuê và làm công nhân như đa số các hộ khác. Một số hộ có chiến lược lâu dài là hướng cho con cái lên tỉnh học nhằm biết rộng hơn, có học vấn để tìm việc có thu nhập cao hơn và hỗ trợ sinh kế gia đình nhưng số này chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Phần lớn lao động nông nghiệp chưa qua đào tạo nên ứng dụng tiến bộ công nghệ trong nông nghiệp còn hạn chế, hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao.

**Bảng 3. Trình độ học vấn của lao động huyện Đình Lập (%)**

Đối tượng nghiên cứu	Tiểu học	THCS	THPT	Từ sơ cấp trở lên
Hộ nghèo	3,33	45,33	34,67	16,67
Hộ cận nghèo	4,00	42,67	29,33	24,00
Hộ TB-Khá	0,00	18,18	43,18	38,64

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát*

**3.1.2. Vốn vật chất**

Các tài sản sinh hoạt của hộ: Tổng giá trị các tài sản, vật dụng sinh hoạt của người dân huyện Đình Lập không lớn và dao động từ 20-31 trđ/hộ. Các tài sản sinh hoạt thường là các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt hàng ngày như: ti vi, tủ lạnh, điện thoại, xe máy, xe đạp... Những vật dụng phục vụ nhu cầu cao hơn như

máy giặt, điều hòa thì một số hộ nhóm hộ trung bình - khá có còn nhóm hộ nghèo và cận nghèo hầu như không có. Trong các tài sản sinh hoạt thì nhà cửa là loại lớn nhất của các hộ nhưng hơn 1/2 số hộ chỉ có nhà cấp 4. Tuy vậy giá trị nhà ở tính trên 1 hộ là nhỏ, theo mức giá hiện tại thì chỉ đạt khoảng 30 triệu đồng trên 1 hộ.

**Bảng 4. Nhà ở các hộ nông dân huyện Đình Lập (%)**

Loại nhà	Nhà kiên cố	Nhà cấp 4	Nhà tranh	Giá trị nhà ở/ hộ (Tr.đ)
Hộ nghèo	16,07	73,21	10,71	21,96
Hộ cận nghèo	26,67	63,33	10,00	30,37
Hộ TB - Khá	42,86	57,14	0,00	34,82

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát*

Tài sản sản xuất của hộ: Các tài sản sản xuất của các hộ vẫn còn hạn chế, chủ yếu những vật dụng ít tiền như bình phun thuốc thì hầu như hộ nào cũng có còn những tài sản khác như

máy tuốt, máy bơm công nghiệp thì hầu hết các hộ vẫn đi mượn hoặc thuê và một số ít các xã thuê máy gặt nên tỉ lệ các máy khác như máy tuốt là không sử dụng (Bảng 5).

**Bảng 5. Tài sản sinh kế của hộ**

Đối tượng nghiên cứu	Tỷ lệ (%)									Giá trị tài sản BQ (Trđ)
	Tài sản sinh hoạt	Điện thoại	Ti vi	Tủ lạnh	Máy giặt	Máy bơm	Điều hòa	Xe máy	Bếp ga	
Nhóm hộ nghèo	100	100	8,92	1,78	80,35	0,0	89,28	30,35	0,0	20,52
Nhóm hộ cận nghèo	100	100	13,33	6,66	83,33	0,0	96,66	40,00	0,0	25,41
Nhóm hộ khá	100	100	21,42	9,11	92,85	7,14	100,0	57,14	0,0	31,26
Các tài sản sản xuất	Tỷ lệ (%)									Giá trị tài sản BQ (Trđ)
	Máy làm đất	Bình phun thuốc	Xe kéo cải tiến	Máy xay xát	Trâu bò sinh sản	Máy tuốt lúa	Máy bơm CN	Máy cắt cỏ		
Nhóm hộ nghèo	0,0	82,14	53,57	0,0	67,85	0,0	3,57	73,21		18,41
Nhóm hộ cận nghèo	6,66	83,33	60,00	3,33	70,00	0,0	10,0	76,66		22,53
Nhóm hộ khá	7,14	85,71	78,57	14,28	92,85	7,14	20,0	85,71		27,15

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát*

**3.1.3. Vốn xã hội**

**- Môi quan hệ gia đình và cộng đồng**

Vốn xã hội là loại vốn đặc biệt trong nhóm tài sản sinh kế của hộ, cung cấp một "bộ đệm" giúp hộ nông dân đối phó với các cú sốc, tạo nên một mạng lưới an toàn chính thức để đảm bảo sinh kế trong khi có rủi ro cao. Vốn xã hội

được xem xét trên các khía cạnh như: quan hệ trong gia đình, tập quán và văn hóa địa phương, các thiết chế cộng đồng, khả năng tiếp cận và cập nhật thông tin của người dân đối với sản xuất và đời sống. Đối với hộ nông dân huyện Đình Lập, vốn xã hội còn liên quan đến các phong tục tập quán và tín ngưỡng.

**Bảng 6. Hợp tác và trao đổi kinh nghiệm của nhóm hộ huyện Đình Lập (%)**

TT	Nhóm hộ	Chung vốn SX	Cùng tham gia SX	Trao đổi TT/kinh nghiệm	Hỗ trợ tiêu thụ SP
<b>I</b>	<b>Nhóm hộ nghèo</b>	<b>5,36</b>	<b>22,64</b>	<b>6,23</b>	<b>16,06</b>
1	Anh em họ hàng	11,83	17,17	1,33	16,17
2	Người cùng xóm	4,83	25,89	5,17	23,06
3	Người ngoài xóm, cùng làng	2,78	17,22	2,17	17,72
4	Người ngoài làng, bạn bè	1,61	26,67	2,94	18,83
5	Bạn bè	5,72	26,28	19,56	4,50
<b>II</b>	<b>Hộ cận nghèo</b>	<b>5,84</b>	<b>24,93</b>	<b>8,88</b>	<b>15,68</b>
1	Anh em họ hàng	13,94	31,50	2,56	14,83
2	Người cùng xóm	7,61	26,56	11,83	17,50
3	Người ngoài xóm, cùng làng	3,44	17,44	4,83	19,28
4	Người ngoài làng, bạn bè	0,72	24,00	3,94	22,94
5	Bạn bè	3,50	25,17	21,22	3,83
<b>III</b>	<b>Hộ trung bình - khá</b>	<b>5,60</b>	<b>23,79</b>	<b>7,56</b>	<b>16,20</b>
1	Anh em họ hàng	12,89	24,33	1,94	15,50
2	Người cùng xóm	6,22	26,22	8,50	20,28
3	Người ngoài xóm, cùng làng	3,11	17,33	3,50	18,50
4	Người ngoài làng, bạn bè	1,17	25,33	3,44	22,56
5	Bạn bè	4,61	25,72	20,39	4,17

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát*

Có nhiều hình thức hợp tác, hỗ trợ nhau trong làm ăn kinh tế ngay cả khi không cần huy động nguồn vốn lớn. Nhưng để sản xuất có hiệu quả, sản phẩm có chất lượng thì cần một lượng tài chính nhất định để duy trì hoạt động. Như những quan điểm lý thuyết về gắn kết cộng đồng - vốn xã hội đã khẳng định, vốn xã hội trong những điều kiện nhất định có thể được chuyển thành vốn kinh tế. Ở đây, người dân huyện Đình Lập đã huy động vốn xã hội của mình trong mạng lưới xã hội để huy động vốn kinh tế. Hình thức chung vốn để sản xuất - như một loại hình hợp tác này phổ biến nhất trong các quan hệ giữa anh em họ hàng, bạn bè, người cùng xóm... tuy nhiên mức độ hợp tác, liên kết sản xuất ở mức thấp dao động không quá 30%. Tỷ lệ hợp tác trong nhóm hộ nghèo cao hơn nhóm hộ cận nghèo và khá.

**- Quan hệ giữa người dân với cán bộ, chính quyền và các ban ngành**

Bên cạnh mối quan hệ giữa anh em bạn bè, hàng xóm láng giềng thì không thể không nhắc đến mối quan hệ cộng đồng giữa người dân với cán bộ, chính quyền, các ban ngành và ngược lại. Mối quan hệ này được thể hiện rõ ở mức độ tham gia vào các tổ chức xã hội của người dân cũng như những mức độ đánh giá của người dân đối với các tổ chức và sự quan tâm của các cơ quan chính quyền ban ngành trong địa phương nói riêng và ban ngành các cấp nói chung. Mối quan hệ giữa người dân chính quyền rất tốt, tỉ lệ các hộ tham gia các tổ chức xã hội rất cao, tiêu biểu là hội nông dân và hội phụ nữ đạt gần 100 % các hộ (Bảng 7). Người dân đánh giá mức độ của các tổ chức hội là rất quan trọng ở mức điểm trung bình là 3 trên thang điểm 4.

**Bảng 7. Tham gia các tổ chức xã hội của hộ nông dân huyện Đình Lập (%)**

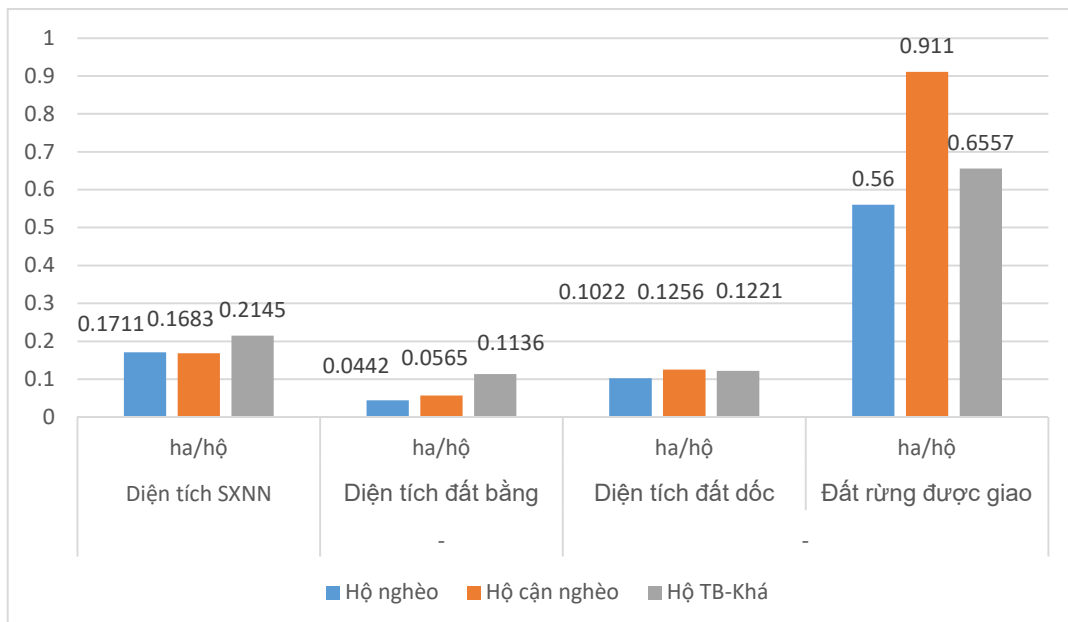
STT	Chỉ tiêu	Nhóm hộ nghèo	Nhóm cận nghèo	Nhóm trung bình - khá
1	Hợp tác xã	0,08	0,092	0,098
2	Tổ Hợp tác	0,25	0,42	0,33
3	Hội Nông dân	81,08	83,33	83,17
4	Hội Phụ nữ	82,42	82,08	82,25
5	Đảng	22,83	15,67	19,25
6	Đoàn thanh niên	51,00	48,67	49,83
7	Nhóm tín dụng tiết kiệm	16,50	17,67	17,08
8	Câu lạc bộ SXKD giỏi	29,42	31,25	30,33
9	Tham gia chính quyền từ thôn đến xã	2,92	5,42	5,67
10	Khác	10,92	10,25	10,58

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khảo sát

Các cấp chính quyền địa phương đã có những hỗ trợ trong đời sống cũng như sản xuất cho hộ dân. Cụ thể cán bộ hỗ trợ người dân trong khâu thủ tục vay vốn để có vốn sản xuất, số hộ tham gia vào nhóm tiết kiệm tín dụng đều được tập huấn phương pháp lập kế hoạch sản xuất vay vốn, được giới thiệu đến các nguồn vay chính thống với mức lãi suất ưu đãi. Năm 2018, toàn huyện tổ chức cho hơn 1000

lượt người tập huấn giúp người dân có thêm thông tin kiến thức về sản xuất cũng như trong việc chuyển đổi nghề nghiệp.

Điều đặc biệt là các hộ dân hầu như không có sự hỗ trợ của HTX, tổ hợp tác vì đã từ lâu ở đây không còn HTX và tổ hợp tác do bị giải tán mặc dù đã có các lớp tập huấn về thành lập tổ hợp tác để liên kết giúp nhau trong phát triển sản xuất.



**Hình 2. Diện tích đất nông nghiệp của hộ huyện Đình Lập (ha/hộ)**

### 3.1.4. Vốn tự nhiên

#### - Tài nguyên đất đai

Nguồn lực tự nhiên chủ yếu là các loại đất canh tác, sản xuất, đất lâm nghiệp... là yếu tố quan trọng trong phát triển sinh kế của người

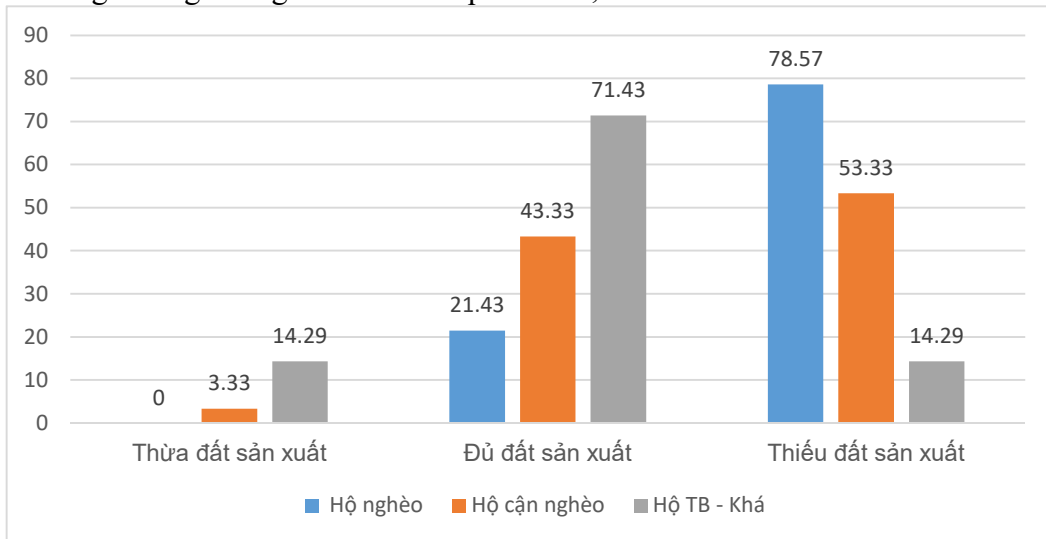
dân huyện Đình lập. Theo số liệu khảo sát, đất sản xuất nông nghiệp của hộ dân trên địa bàn rất ít, phần lớn là đất cho sản xuất lâm nghiệp, tỷ lệ diện tích đất dốc chiếm cao, tỷ lệ diện tích đất bằng rất nhỏ. Do phương thức sản xuất vẫn

chưa hợp lý nên chất lượng tài nguyên đất và tài nguyên rừng có xu hướng xấu đi. Nguyên nhân của hiện tượng này là do trước đây, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu canh tác theo lối du canh, phát rừng làm rẫy điều này đã làm cho đất ngày càng bị rửa trôi, bạc màu.

Hơn nữa sản xuất nông nghiệp chỉ theo mùa vụ ngắn nên thời gian rảnh rỗi nhiều, nông nghiệp giờ chỉ coi như một nghề phụ do chuyển đổi sang các ngành nghề khác. Kết quả

khảo sát cho thấy chuyên đổi nghề nghiệp đã diễn ra ở hầu hết các hộ gia đình, trong số những hộ điều tra thì 89,5% các hộ hướng chuyên đổi sinh kế từ nông nghiệp thuần nông sang kiêm ngành nghề dịch vụ, hoặc đi làm thuê...

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp ở nhóm hộ là khác nhau. Với nhóm các hộ thuộc nhóm nghèo tỉ lệ các hộ cho rằng thiếu đất khá cao 78,57%.



**Hình 3. Nhu cầu sử dụng đất của nhóm hộ (%)**

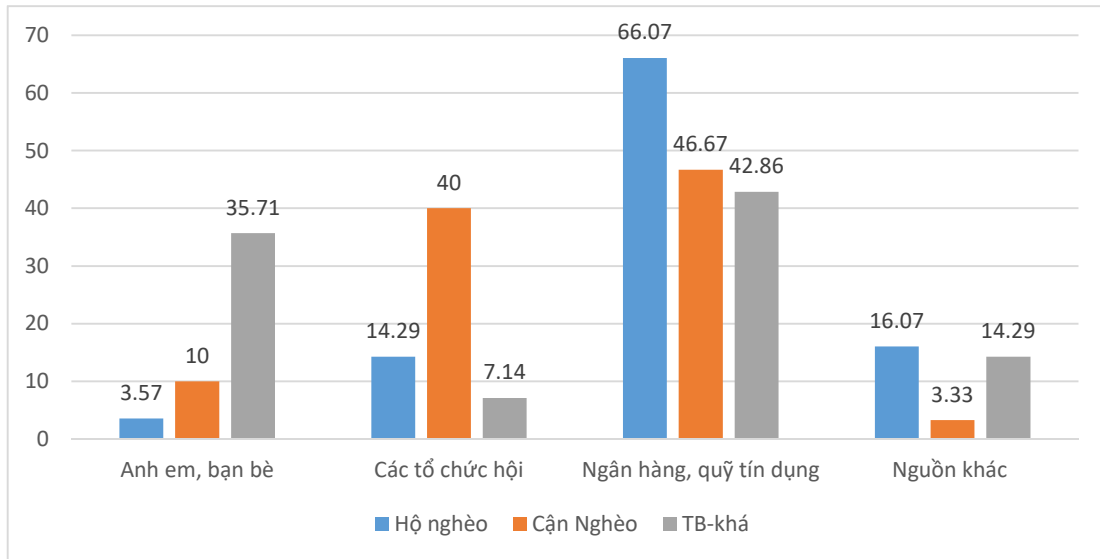
**3.1.5. Vốn tài chính**

Vốn tài chính là các nguồn tài chính mà người ta sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu trong sinh kế. Các nguồn đó bao gồm nguồn dự trữ hiện tại, dòng tiền theo định kỳ và khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ bên ngoài như từ người thân hay từ các tổ chức tín dụng khác nhau, bao gồm 2 nguồn chính là tiền tiết kiệm và tiền vốn vay.

- **Tiền tiết kiệm:** Thu nhập bình quân các hộ trên địa bàn nghiên cứu tương đối thấp và không có sự khác biệt về thu nhập giữa các địa bàn hay giữa các dân tộc với nhau. Cao nhất là dân tộc Kinh bình quân 18,435 triệu đồng/hộ/năm, dân tộc Tày là 16,225 triệu đồng/hộ và thấp nhất là dân tộc Sán chỉ là 13,851 triệu đồng/hộ. Thực tế cho thấy có những hộ nghèo và cận nghèo hàng năm họ không có nguồn vốn tiết kiệm thậm chí là không đủ để chi tiêu, bên cạnh đó có những hộ gia đình sản xuất kinh doanh ngành nghề như làm nộm, nuôi thỏ, nấu rượu... thì khoản tiền tiết kiệm của các hộ đó tương đối và ở mức trên 50 triệu và thậm chí là trăm triệu. Mặc dầu mức thu nhập còn thấp nhưng thu nhập của các

hộ đã có những cải thiện đáng kể trong những năm qua. Không những thế họ cũng có thể tiếp cận tốt hơn đối với nguồn tín dụng nhằm bù đắp khó khăn đối với nguồn tài chính của họ.

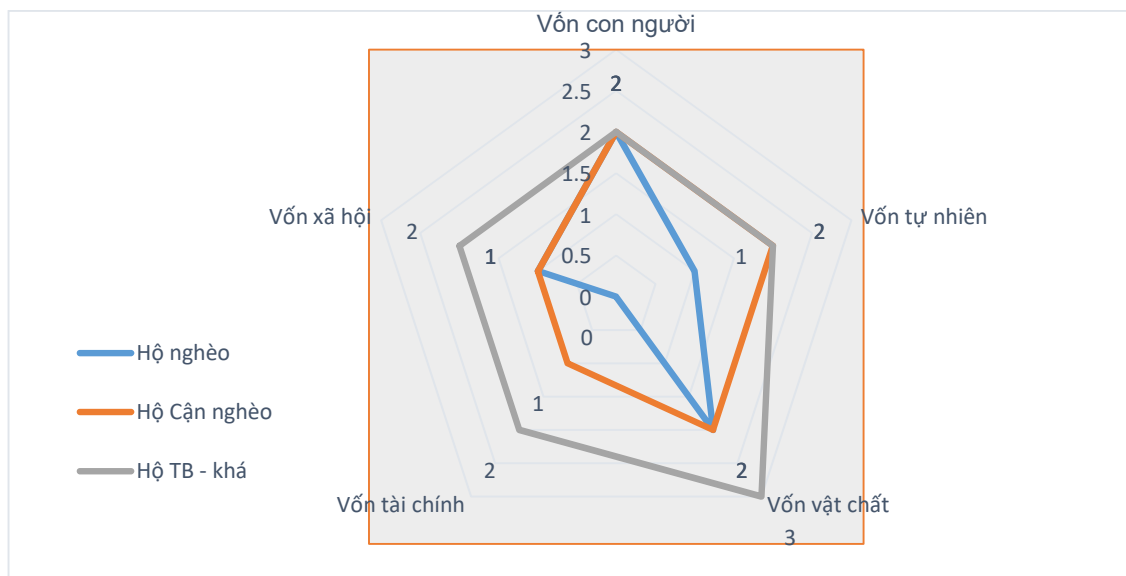
- **Tiền vay:** sinh kế hộ nông dân cũng phụ thuộc khá nhiều vào nguồn vốn, vì vậy để có vốn thay đổi sinh kế nhiều hộ gia đình ở xã đã chủ động vay vốn. Trong những năm gần đây việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng của các hộ đã dễ dàng hơn. Hiện nay người dân được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ các chương trình hỗ trợ của chính phủ thông qua ngân hàng chính sách xã hội và ngân hàng NN&PTNT. Về nguồn vốn vay thì người thân, bạn bè là những đối tượng đầu tiên mà người dân hướng tới vay mỗi khi gặp khó khăn về tài chính, tiếp đến là các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể. Tuy nhiên, định mức và thời hạn vay của các nguồn này thường rất hạn chế. 3,67% các hộ nghèo vay vốn từ người thân bạn bè; 14,29% các hộ vay từ tổ chức hội và 66,07% các hộ vay vốn từ ngân hàng, tổ chức tín dụng, còn lại 16,07% các hộ vay từ một số nguồn phi chính thống khác.



Hình 4. Các nguồn huy động vốn tài chính của nhóm hộ (%)

Phân tích vốn sinh kế của hộ liên quan nhiều tiêu thức nhưng các tiêu thức này lại không có thước đo chung nên nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích bằng cho điểm thông qua việc sử dụng thang điểm đánh giá để thấy một cách tổng hợp của từng loại vốn. Với loại vốn có quá nhiều chỉ tiêu thì lựa chọn các chỉ tiêu chủ yếu. Mỗi chỉ tiêu được cho điểm với 5 mức như ở bảng 1, thang đo tổng hợp từng loại vốn thấp nhất là 0-1 điểm thể hiện vốn kém, từ 1-2 điểm thể hiện vốn trung bình, từ 2-3 điểm thể hiện vốn khá và từ 3-4 điểm thể hiện vốn tốt. Tổng hợp cả 5 loại vốn thì từ 0-5 điểm là vốn kém, từ 5-10 điểm là vốn trung bình, từ 10-15 điểm là vốn khá, từ 15-20 điểm là vốn tốt.

Như vậy vốn sinh kế của hộ nông dân nhóm hộ nghèo đạt chỉ ở mức trung bình (6 điểm), nhóm hộ cận nghèo có vốn tốt hơn nhóm nghèo nhưng cũng chưa qua được ngưỡng trung bình (8 điểm), nhóm hộ trung bình khá có số điểm cao hơn (11 điểm) đạt ở mức vốn khá. Trong 5 loại vốn thì vốn tài chính, vốn vật chất, vốn xã hội thể hiện sự khác biệt nhất, mỗi nhóm hộ sự khác biệt chênh nhau 1-2 điểm. Từ thực tế nghiên cứu cho ta thấy các loại vốn sinh kế được hình thành trong mối quan hệ mật thiết với nhau, chúng chi phối, ảnh hưởng lẫn nhau và không thể tách rời. Trong 5 loại vốn thì vốn con người và vốn tự nhiên có khá hơn, tăng nhanh hơn các loại vốn khác nhưng cũng chỉ đạt mức 2,0/5,0 điểm.



Hình 5. Tổng hợp vốn sinh kế của các hộ nông dân (điểm)



**3.2. Giải pháp nâng cao nguồn vốn sinh kế của hộ nông dân huyện Đình Lập, Lạng Sơn**

- **Vốn tự nhiên:** Vốn tự nhiên quan trọng nhất ở đây là đất đai nói chung và đất nông nghiệp nói riêng. Với nguồn quỹ đất nông nghiệp có hạn, đất nông nghiệp trên địa bàn huyện có tiềm năng, nguồn lao động dồi dào nhưng về cơ bản sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện vẫn là sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. Các mô hình kinh tế hiệu quả chưa thực sự nổi bật, chưa được nhân rộng. Để nâng cao nguồn vốn tự nhiên Chính quyền địa phương cần có kế hoạch chuyển dịch cơ cấu sản xuất, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, thâm canh tăng vụ. Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các loại đất nông nghiệp khác: Qua khảo sát cho thấy một số cây trồng, rau ngắn ngày có thể đưa vào sản xuất như, cà chua sớm, bí xanh đá, cải dầu, dưa chuột bao tử, ngô. Các loại này cho năng suất cao, nhiều vụ nên không cần nhiều diện tích mà vẫn có thu nhập cao phù hợp với nguồn đất hạn chế của các hộ nhất là hộ nhóm hộ nghèo và cận nghèo. Cụ thể:

Chuyển đổi công thức canh tác trên đất lúa:

+ Trồng cây vụ đông trên đất lúa: Lúa xuân sớm - Lúa mùa sớm - Đỗ tương đông/khoai tây đông; Lúa xuân sớm - Lúa mùa - Ngô đông; Lúa xuân - Lúa mùa - rau vụ đông;

+ Chuyển công thức lúa sang Lúa - Rau hoặc chuyên canh Rau/cây công nghiệp ngắn ngày;

+ Chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các loại đất nông nghiệp khác (trồng cây ăn quả như: Bưởi diên, táo đại...)

- **Vốn con người:** Có thể khẳng định vốn con người là điểm khởi đầu của các loại vốn khác. Vốn con người có tốt thì mới bảo vệ phát triển được vốn xã hội, vốn tự nhiên, mới bảo đảm cho sự phát triển sinh kế bền vững trong tương lai. Nếu con người không có sức khỏe, có kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác, không có trình độ để biết cách áp dụng những khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất thì sản xuất nông nghiệp của địa phương, của vùng sẽ không đạt hiệu quả cả về năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Nếu như người dân không có trình độ, am hiểu về thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng thuốc một cách theo cảm tính thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các nguồn lực khác như ô nhiễm nguồn nước hay dư lượng thuốc hóa học trong sản phẩm nông sản lớn không đảm bảo về mặt

chất lượng... Do vậy giải pháp cần thiết là:

+ Tuyên truyền khuyến khích các hộ cho con học hết ít nhất là phổ thông để có kiến thức toàn diện dù có đi làm lao động chân tay cũng có tư duy hơn.

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho chủ hộ không chỉ kỹ thuật, chủ trương mà quan trọng nhất là quản lý hộ trong gia đoạn công nghệ 4.0. Đặc biệt các hộ có chiến lược sinh kế nông nghiệp thì phải là nông dân mới chứ không phải nông dân lỗi mòn cũ.

- **Vốn tài chính:** đảm bảo tốt vốn tài chính cho các hộ nông dân cũng chính là tạo điểm khởi đầu để chuyển hóa tạo ra vốn vật chất tốt và vốn tự nhiên bền vững. Một số giải pháp cụ thể với vốn tài chính:

+ Đa dạng hóa các loại hình hỗ trợ tín dụng cho người dân, tín dụng hộ nghèo hộ cận nghèo. Tạo thuận lợi hơn, thông thoáng hơn về số lượng tiền vay, thủ tục và thời hạn vay vì với bản chất hiện nay của hộ vẫn mang tính chất người nông thôn rất chất phác, trợn nghĩa nên khi có vốn làm ăn họ sẽ trả nợ theo thỏa thuận.

+ Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính từ thu nhập, tập huấn nâng cao năng lực tiết kiệm chi tiêu, ghi chép theo dõi diễn biến tài chính hàng ngày trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Vốn vật chất:** Vốn vật chất cho đời sống của nhóm hộ trung bình - khá khá tốt và hiện đại nhưng với nhóm nghèo và cận nghèo thì hầu như còn ít, thiếu nhưng cần hướng dẫn trang bị và sử dụng đúng hướng, giữ bản sắc của vùng. Hộ nông dân cũng cần trang bị cơ sở vật chất tốt hơn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển nguồn lực con người

- **Vốn xã hội:** Tuyên truyền, khuyến khích nhân dân tham gia các buổi họp, buổi trao đổi ý kiến trong thôn, xóm để chia sẻ kinh nghiệm làm ăn phát triển sinh kế.

+ Khuyến khích các hộ tham gia vào các tổ chức kinh tế xã hội để nâng cao tinh thần đoàn kết cộng đồng và kiến thức trong mọi lĩnh vực của đời sống.

+ Hình thành và phát triển các nhóm liên kết sản xuất như HTX và tổ hợp tác.

**4. KẾT LUẬN**

Vốn sinh kế của các hộ nông dân nghèo huyện Đình Lập tỉnh Lạng Sơn ở mức trung bình, trong đó hạn chế nhất là vốn tài chính và vốn xã hội. Các hộ nghèo có trình độ văn hóa

thấp, trình độ chuyên môn ít qua đào tạo, điều kiện kinh tế thấp. Trong ba nhóm hộ thì nhóm hộ khá có vốn tốt hơn hai nhóm còn lại, vốn con người và vốn xã hội khá hơn các loại khác nhưng cũng chỉ đạt mức 2,0/5,0 điểm. Theo kết quả nghiên cứu thì nguồn lực sinh kế của hộ dân huyện Đình Lập còn hạn chế, nguồn lực lao động trong độ tuổi có học vấn thấp (tốt nghiệp THCS trên 45%, đào tạo nghề sơ cấp 16,67%); nguồn vốn vật chất phục vụ sản xuất chủ yếu là công cụ dụng cụ thô sơ (bình quân giá trị vốn vật chất cho sản xuất từ 18 đến 27 triệu đồng/hộ); tỷ lệ hợp tác trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất (vốn xã hội) còn thấp, 6,23% đối với nhóm hộ nghèo, 8,88% hộ cận nghèo và 7,56% nhóm hộ khá; Nguồn vốn tự nhiên của nhóm hộ chiếm phần lớn là đất dốc, 78,5% ý kiến nhóm hộ nghèo về thiếu đất sản xuất; những năm gần đây người dân đã tiếp cận được nhiều nguồn vốn vay sản xuất, tuy nhiên định mức vay và thời hạn vay còn hạn chế. Để nâng cao nguồn vốn sinh kế cho các hộ nông dân cần: tận dụng và khai thác lợi thế của vùng về phát triển sản xuất nông nghiệp,

nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đa dạng hóa các hoạt động sinh kế theo chiến lược của các nhóm hộ; Ứng xử hợp lý với các yếu tố bên ngoài; Phát huy nội lực của hộ nông dân và cộng đồng nông dân; khuyến khích hình thành các nhóm liên kết sản xuất hợp tác chia sẻ kinh nghiệm và huy động nguồn vốn tài chính.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chambers, R. and Conway G.R., Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century, IDS Discussion Papers, Publisher IDS, 1991.
2. Dự án giảm nghèo (MISERIO), Nâng cao năng lực cho người dân dựa vào cộng đồng, 2014 -2017.
3. Dự án giảm nghèo Việt Nam giai đoạn 2 (2009), Nghiên cứu sinh kế: Dự án giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2.
4. Nguyễn Duy Thắng (2007). Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của đô thị hoá. Tạp chí Xã hội học thực nghiệm, XHH. (4). tr. 37-47.
5. Vũ Thị Ngọc (2012). Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp sinh kế bền vững cho cộng đồng ở Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa. Luận văn thạc sỹ chuyên ngành sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường. Trường Đại học Khoa học tự nhiên.

## **SOLUTIONS TO IMPROVE THE LIVELIHOOD OF POOR HOUSEHOLDS IN DINH LAP DISTRICT, LANG SON PROVINCE**

**Pham Thi Tan<sup>1</sup>**

<sup>1</sup>*Vietnam National University of Forestry*

### **SUMMARY**

Livelihood resources of capitals funds have a crucial role to the selection of livelihood strategies of groups of poor households, however, in the process of pursuing livelihood strategies, groups of poor households also faced with many challenges and need solutions to improve the livelihoods of households. The study analyses the livelihood assests of the poor households in Dinh Lap district, Lang Son province. Data has been derived from the randam sample survey of 100 households and annual socio-economic statistics. The paper assesses the underlying state and roles of livelihood assests of the poor in Dinh Lap district, particularly focusing on resource characteristics (human resources, social capital, natural capital, physical capital and financial capital). The quality of livelihood assests are examined on key aspects such as income, residential house, living facilities, improvement in living standards and social relationship. On the basis of determining the status of household livelihoods sources, the paper proposes solutions to improve the sustainable livelihood for Dinh Lap community given the current context of integration and development. Main solutions proposed cover areas such as human resources, diversification of income-generating activities and financial matters, social relationship.

**Keywords:** Dinh Lap district, improve livelihoods, livelihood resources, poor households.

Ngày nhận bài : 19/8/2019  
Ngày phản biện : 20/9/2019  
Ngày quyết định đăng : 02/10/2019